

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 157 /2021/HS-PT

Ngày: 29-10-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Minh Châu.

Các Thẩm phán:

1. Bà Phạm Thị Hồng Vân;
2. Bà Đặng Thị Đồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Mai Hương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Vương, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021; tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 145/2021/TLPT-HS ngày 17 tháng 8 năm 2021; đối với bị cáo Trần Thị D cùng đồng phạm; do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh; và kháng cáo của các bị cáo Trần Thị D, Trương Hoàng L, Trần Kim T, Nguyễn Thị T, Lâm Thị G, Lê Thị A; đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 63/2021/HS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

1. Trần Thị D, sinh năm 1971, tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp Suối ÔĐ, xã TV, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: không có; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Cao đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N (chết) và bà Nguyễn Thị H; chồng tên Nguyễn Thành S (bị cáo trong vụ án); con: chưa có; tiền án; tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 03-9-2020, chuyển tạm giam ngày 13-9- 2020; đến ngày 26-4-2021 áp dụng biện pháp bảo lãnh đến ngày xét xử, có mặt.

2. Trần Kim T, sinh năm 1973, tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp Suối ÔĐ, xã TV, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N (chết) và bà Nguyễn Thị H; chồng Trương Hoàng L (bị cáo trong vụ án); có 02 con; tiền án; tiền sự: không có; bị tạm giữ từ ngày 03-9-2020, chuyển tạm giam ngày 13-9-2020, đến ngày 26-4-2021 bị áp dụng biện pháp bảo lãnh đến ngày xét xử, có mặt.

3. Trương Hoàng L, sinh năm 1973, tại tỉnh Tây Ninh; nơi ĐKKHKT: Ấp TT, xã TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú hiện nay: Ấp

Suôi ÔĐ, xã TV, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm rẫy; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Cao đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Trương Thị N (đều chết); vợ tên Trần Kim T (bị cáo chung trong vụ án), có 02 con. Tiền án; tiền sự: không có; bị bắt tạm giữ ngày 03-9-2020, chuyển tạm giam ngày 13-9-2020, đến ngày 26-4-2021 bị áp dụng biện pháp bảo lãnh đến ngày xét xử, có mặt.

4. Nguyễn Thành S, sinh năm 1960, tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp Suối ÔĐ, xã TV, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành L và bà Đào Thị G (đều chết); vợ Trần Thị D (bị cáo trong vụ án), có 03 con. Tiền án; tiền sự: không có; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11-01-2021 đến ngày xét xử, có mặt.

5. Huỳnh Thúy D, sinh năm 1994 tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp TT, xã TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn P và bà Trần Thị Đ; chồng Nguyễn Văn P và 01 con. Tiền án, tiền sự: không có; bị bắt tạm giữ từ ngày 09-9-2020, chuyển tạm giam ngày 18-9-2020, đến ngày 02-12-2020 áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, đến ngày 11-01-2021 bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đến ngày xét xử nay, có mặt.

6. Lê Thị Á, sinh năm 1970, tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Cao đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn S và bà Lê Thị D (đều chết); chồng tên Đỗ Thành C (ly hôn), con có 5 con. Tiền án, tiền sự: không có; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11-01-2021 đến ngày xét xử, có mặt.

7. Lâm Thị G, sinh năm 1975, tại Campuchia; nơi cư trú: Khu phố , thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn S và bà Đỗ Thị C (đều chết); chồng Phạm Văn T và 02 con (01 con đã chết). Tiền án: không có.

Tiền sự: Quyết định số 02 ngày 03-01-2020 của Ủy ban nhân dân huyện TB, Tây Ninh; xử phạt Lâm Thị G số tiền 7.500.000 đồng về hành vi dùng nhà của mình để chứa bạc, đã nộp phạt ngày 15-01-2020, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính:

Nhân thân:

1. Bản án 39/2008/HSST ngày 15-5-2008, Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh xử phạt 30 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 59 tháng 12 ngày và phạt bổ sung số tiền 3.000.000 đồng;

2. Bản án số 05/2021/HSST ngày 12-01-2021, Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh xử phạt Lâm Thị G số tiền 60.000.000 đồng về tội “Gá bạc”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 08-9-2020, chuyển tạm giam từ ngày 11-9-2020, đến ngày 06-12-2020 được trả tự do và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07-12-2020 đến ngày xét xử, có mặt.

8. Nguyễn Kim C (Chị B), sinh năm 1957, tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp , xã MC, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: không có; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N và bà Trịnh Thị G (đều chết); chồng Nguyễn Văn Đ và 05 con; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04-9-2020, ngày 13-9-2020 được trả tự do và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư đến ngày xét xử, có mặt.

9. Nguyễn Thị Thu H (T), sinh năm 1986, tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp TT, xã MC, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành S (bị cáo trong vụ án) và bà Võ Thị H; chồng Lê Minh H và 02 con; tiền án, tiền sự: không: bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11-01-2021 đến ngày xét xử, có mặt.

10. Nguyễn Thị T, sinh năm 1966, tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Khu phố , thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng T (chết) và bà Ninh Thị T; chồng Ninh Ngọc Á và 02 con; tiền án, tiền sự: không có; bị tạm giữ ngày 07-9-2020, chuyển tạm giam ngày 13-9-2020, ngày 06-12-2020 được trả tự do và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư đến ngày xét xử, có mặt.

11. Ninh Ngọc S, sinh năm 1988, tại tỉnh Tây Ninh; nơi ĐKKHKT: Ấp TT, xã TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú hiện nay: Khu phố, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm rẫy; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ninh Ngọc Á và bà Nguyễn Thị T (bị cáo trong vụ án); vợ tên Lê Ngọc Huỳnh M và 02 con; tiền án, tiền sự: không có; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đến ngày xét xử, có mặt.

12. Trần Thị Thùy M (L), sinh năm 1973, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Khu phố , thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: không có; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quý L và bà Trần Thị T (đều chết); chồng tên Huỳnh Văn P và 02 con; tiền án, tiền sự: không có; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 01-3-2021 đến ngày xét xử, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị D, Trần Kim T và Trương Hoàng L đã tổ chức đường dây đánh bạc làm thầu lô đề thời gian dài trên địa bàn huyện TB. Vào lúc 17 giờ 00 phút, ngày 03-9-2020, khi D, T và L đang tổ chức thầu lô đề tại nhà; thuộc ấp SÔĐ, xã TV, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; Công an huyện TB, tỉnh Tây Ninh đã bắt quả tang.

+ Thu giữ tại nhà của D số tiền 6.553.000 đồng, 06 điện thoại di động các loại, 06 tờ phoi đề, 01 két sắt bên trong có số tiền 420.000.000 đồng và nhiều tài sản khác 06 tờ giấy tập học sinh, 03 quyển tập học sinh, 17 bìa tập học sinh có ghi chữ và số.

+ Thu giữ tại nhà của Trần Kim T số tiền 31.000.000 đồng, 05 điện thoại di động các loại, 07 tờ phoi đề và 01 tờ giấy ghi tính tiền số đề.

Vai trò cụ thể của D, T, L và những người khác trong đường dây số đề này như sau:

1. Trần Thị D: Bắt đầu hoạt động thầu đề từ năm 2015, tại nhà của bị cáo; thuộc ấp SÔĐ, xã TV, huyện TB. Lúc đầu, bị cáo tự làm thầu đề 1 mình. Từ đầu tháng 6-2019, bị cáo nhờ các bị cáo Trần Kim T, Trương Hoàng L phụ giúp tập hợp, cộng phoi đề và tính tiền thắng thua. Bị cáo phân công bị cáo Nguyễn Thành S (chồng) đi giao nhận tiền thắng thua từ người giao phoi đề. Hằng ngày, bị cáo nhận phoi đề xong, dò theo kết quả xổ số kiến thiết của tất cả các đài 2 miền Nam và Bắc từ nhiều người khác nhau gồm các bị cáo Lê Thị Á, Nguyễn Kim C, Lâm Thị G, Nguyễn Thị T và người tên Trần Thị T. Khoảng tháng 7-2020, bị cáo nhờ bị cáo Huỳnh Thúy D phụ giúp cộng phoi đề và tính tiền thắng thua của các tay em giao.

Do mâu thuẫn trong việc tính tiền thắng thua số đề hằng ngày giữa bị cáo và T; nên ngày 12-8-2020, T và L tách riêng; bị cáo đã chia cho T, L các mối giao phoi đề của các bị cáo Nguyễn Kim C, Nguyễn Thị T, người tên Nguyễn Thị T.

Ngoài ra, bị cáo chia cho Nguyễn Thị Thu H mỗi giao phoi đề của bị cáo Lê Thị Á nhưng đều thông qua bị cáo. Hằng ngày, T và L nhận phoi đề của các tay em xong, chọn các con số đề có số tiền mua lớn giao cho bị cáo.

Từ tháng 6-2019 đến ngày 03-9-2020 (có nghỉ khoảng 01 tháng), mỗi ngày, bị cáo nhận phoi đề số tiền từ 50.000.000 đồng đến số tiền 120.000.000 đồng, thu lời 09 tháng được số tiền từ 2.700.000.000 đồng đến 5.400.000.000 đồng, bị cáo lỗ 05 tháng với số tiền từ 1.700.000.000 đồng đến 4.000.000.000 đồng. Do đó, tổng số tiền thu lợi bất chính của bị cáo từ 1.000.000.000 đồng đến 1.400.000.000 đồng, có ngày 01-9-2020 bị cáo thu lời nhưng không xác định cụ thể và có trả cho T số tiền 9.510.000 đồng thể hiện trên tờ phoi ký hiệu

06B ngày 02-9-2020, bị cáo chung cho T số tiền 23.380.000 đồng thể hiện trên tờ phoi 06A.

Ngày 03-9-2020, bị cáo sử dụng số điện thoại 0931210496, 0937809592, 0908073942, 0967879006, 0865048949 thông qua cuộc gọi, tin nhắn để nhận phoi đề của T, G, T, người tên C (nhà ở GD) và một số người mua số đề khác không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể, gồm:

- + Số tiền trên phoi đề bị cáo nhận (ký hiệu từ 1 đến 5 thu tại nhà D) 74.398.000 đồng, bị cáo thực nhận số tiền 51.334.620 đồng, số tiền trúng theo đài miền Nam 76.030.000 đồng, nên số tiền đánh bạc của bị cáo 127.364.620 đồng.

- + Số tiền bị cáo nhận của Thúy 34.191.000 đồng qua tin nhắn điện thoại đã bị xóa, thể hiện trên phoi đề ký hiệu 1 thu tại nhà Thúy, số tiền thực nhận 23.368.140 đồng, số tiền trúng 20.100.000 đồng, nên số tiền đánh bạc của 43.468.140 đồng.

- + Số tiền bị cáo nhận của người tên C (không xác định họ tên, địa chỉ cụ thể, có số điện thoại 0866993220) giao đài Miền Bắc là 63.833.000 đồng, số tiền thực nhận là 43.512.670 đồng, thể hiện trên phoi đề lưu trong điện thoại Vivo, màu đen gắn sim số điện thoại 0967879006 của bị cáo.

- + Số tiền bị cáo nhận của Lâm Thị G giao đài Miền Bắc 11.102.000 đồng, thực nhận là 8.383.360 đồng, có số điện thoại 0908496156, thể hiện trên phoi đề lưu trong điện thoại ViVo, màu xanh gắn sim số 0865048949 của bị cáo.

Do đó, tổng số tiền trên phoi 183.524.000 đồng, tổng số tiền thực nhận 126.598.790 đồng, tổng số tiền trúng 96.130.000 đồng, nên tổng số tiền đánh bạc của bị cáo 222.728.790 đồng ngày 03-9-2020 (gồm đài miền Nam 170.832.760 đồng và đài miền Bắc 51.896.030 đồng). Số tiền bị cáo thua lỗ ngày 03-9-2020 đối với đài Miền Nam 21.427.240 đồng.

Sau đó, bị cáo chọn các con số đề có số tiền lớn giao cho Võ Văn K qua tin nhắn điện thoại Nokia màu trắng gắn sim số 0937809592 của bị cáo nhắn đến số điện thoại 0971225135 của K có số tiền phoi đề 48.899.000 đồng, số tiền thực giao 33.156.080 đồng, số tiền trúng 29.400.000 đồng. Khi Công an vào bắt, bị cáo xóa 1 số tin nhắn liên quan đến số đề đã nhận và đốt cháy 1 phần phoi đề đã chép ra.

Ngoài ra, D còn trực tiếp bán số đề cho Đặng Văn Q, sinh năm 1948, ngụ ấp SN, xã AC, huyện CT, tỉnh Tây Ninh được 05 lần thể hiện trong tập tin dữ liệu phục hồi của máy điện thoại di động Nokia màu trắng của D (ký hiệu A2) với tổng số tiền là 6.370.000 đồng trong đó ngày có số tiền thấp nhất là 560.000 đồng, ngày có số tiền cao nhất là 3.220.000 đồng.

2. Nguyễn Thành S giúp sức cho bị cáo D thầu đề từ tháng 11-2019 đến khi bị bắt. Vào các buổi sáng, bị cáo thường nhận phoi đề của T, G, Á, T và

giao tiền thắng thua từ những bị cáo này giao cho bị cáo D, nhưng bị cáo không biết cụ thể bao nhiêu. Bị cáo không nhận tiền công của bị cáo D; lý do bị cáo và bị cáo D sống như vợ chồng khoảng 10 năm. Số tiền thu lợi từ số đề do bị cáo D giữ, sử dụng chung. Ngày 03-9-2020, bị cáo chưa gom tiền cho bị cáo D đã bị bắt.

3. Trần Kim T và Trương Hoàng L là vợ chồng, cùng tổ chức thầu đề. Từ đầu tháng 11-2019, cả 2 bị cáo giúp D tập hợp, cộng phôi đề, tính tiền thắng thua, gom tiền đề; mỗi tuần cả vợ chồng được D cho số tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng. Do dịch bệnh Covid, tháng 3-2020, vợ chồng không giúp D được, nên tính đến ngày 11-8-2020, T và L giúp D thầu đề được khoảng 08 tháng (32 tuần), số tiền thu lợi bất chính khoảng 32.000.000 đồng - 64.000.000 đồng.

L trực tiếp bán số đề cho người mua xong giao cho D 07 ngày, không nhớ cụ thể ngày, số tiền trên phôi đề L giao cho D từ 250.000 đồng đến 3.950.000 đồng, đã lâu không nhớ thắng thua (được thể hiện trong tập giấy học sinh có lý hiệu 14 thu tại nhà D khi bắt quả tang); sau khi có kết quả thắng thua, L nhận tiền từ D giao cho người mua.

Do mâu thuẫn trong việc tính tiền thắng thua số đề, ngày 12-8-2020 đến ngày 03-9-2020, T và L làm riêng, D chia cho L, T mỗi giao phôi đề của C, T, T. Hàng ngày, T và L nhận phôi đề của G, V, C, T, C và Đặng Văn L qua tin nhắn hoặc gọi điện thoại trực tiếp bằng số điện thoại 0865473771, 0332903401, 0327680379; sau đó, vợ chồng ghi đề ra giấy hoặc ghi âm cuộc gọi, chọn các con số đề có số tiền mua lớn giao cho D; khi có kết quả xổ số, T và L tính tiền thắng thua, đốt phôi đề, sáng hôm sau trực tiếp gặp tay em chung chi, L gom tiền về đưa cho T. Từ ngày 12-8-2020 đến ngày 31-8-2020, mỗi ngày T và L nhận tiền phôi đề từ 42.000.000 đồng đến 53.000.000 đồng, thu lời mỗi ngày từ 3.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng (13 ngày), tổng số tiền thu lời từ 39.000.000 đồng - 130.000.000 đồng; thua lỗ 05 ngày từ 10.000.000 đồng - 15.000.000 đồng (2.000.000 đồng -3.000.000 đồng/ngày); 02 ngày không thắng không thua nên tổng số tiền thu lợi bất chính trong 20 ngày từ 26.400.000 đồng- 112.400.000 đồng.

Ngày 01-9-2020, T và L thua lỗ số tiền 2.600.000 đồng, thể hiện trên phôi đề có ký hiệu 6B; ngày 02-9-2020 thu lời số tiền 3.120.000 đồng thể hiện trên phôi đề có ký hiệu 6A.

Ngày 03-9-2020, T và L nhận phôi đề từ các tay em, dò theo kết quả xổ số của đài tỉnh Tây Ninh; thể hiện ở các tờ phôi có ký hiệu 2, 3, 4, 5, 7, 8 thu giữ tại nhà T; cụ thể:

1. Nhận từ vợ chồng của Trần Thị T, Trần Văn C số tiền thể hiện trên phôi 5.059.000 đồng, số tiền thực nhận 3.541.000 đồng, số tiền trúng 700.000 đồng, nên số tiền đánh bạc giữa C, T với L và T 4.241.300 đồng;

2. Nhận từ người tên C (không xác định họ tên, địa chỉ cụ thể) số tiền thẻ hiện trên phoi 13.027.000 đồng, số tiền thực nhận 9.118.900 đồng, số tiền trúng 8.400.000 đồng, nên số tiền đánh bạc giữa C với L và T 17.518.900 đồng;

3. Nhận từ Nguyễn Kim C số tiền thẻ hiện trên phoi 13.213.000 đồng, số tiền thực giao 9.058.610 đồng, số tiền trúng 2.450.000 đồng, nên số tiền đánh bạc giữa C với L và T 11.508.610 đồng;

4. Nhận từ người tên G (không xác định họ tên, địa chỉ cụ thể) số tiền thẻ hiện trên phoi 11.597.000 đồng, số tiền thực giao 7.877.030 đồng, số tiền trúng 13.650.000 đồng nên số tiền đánh bạc giữa G với L và T 21.527.030 đồng;

5. Nhận từ Nguyễn Thị T số tiền thẻ hiện trên phoi 23.724.000 đồng, số tiền thực giao 15.890.280 đồng, số tiền trúng 13.550.000 đồng, nên số tiền đánh bạc giữa T với L và T 29.440.280 đồng;

6. Nhận từ người tên V (không xác định họ tên, địa chỉ cụ thể) số tiền thẻ hiện trên phoi 5.771.000 đồng, số tiền thực giao 3.743.480 đồng, số tiền trúng 2.800.000 đồng, nên số tiền đánh bạc giữa V với L và T 6.543.480 đồng;

7. Nhận từ người tên C số tiền thẻ hiện trên phoi 4.580.000 đồng, số tiền thực giao 3.160.200 đồng, không có số trúng, nên số tiền đánh bạc giữa C với L và T 3.160.200 đồng;

8. Nhận từ Đặng Văn L số tiền thẻ hiện trên phoi 1.280.000 đồng, số tiền thực mua 1.000.000 đồng, không có số trúng, nên số tiền đánh bạc giữa L với L và T 1.000.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền thẻ hiện trên phoi đề, L và T nhận từ tay em 76.971.000 đồng, số tiền thực nhận 52.389.800 đồng, số tiền tay em trúng 41.550.000 đồng, nên số tiền đánh bạc của T và L với tay em ngày 03-9-2020 là 93.939.800 đồng, số tiền L và T thu lời 10.839.800 đồng.

Sau khi nhận phoi từ tay em ngày 03-9-2020, T và L lựa các con số đề có số tiền lớn giao cho D có số tiền trên phoi 34.191.000 đồng, thực giao 23.368.140 đồng, số tiền vợ chồng T trúng 20.100.000 đồng, nên số tiền đánh bạc giữa T và D ngày này 43.468.140 đồng, thẻ hiện trên phoi đề có ký hiệu 1.

Như vậy, tổng số tiền thu lợi bất chính của L và T ngày 03-9-2020 là 7.570.660 đồng; từ 12-8-2020 đến 03-9-2020 thu lợi từ 37.090.660 đồng - 123.090.660 đồng; từ tháng 11-2019 – đến ngày 03-9- 2020 thu lợi từ 69.090.660 đồng - 187.090.660 đồng.

4. Huỳnh Thúy D giúp sức cho D, T thầu đề. D được D, T chỉ cho cách tính tiền phoi đề, cộng phoi đề từ tháng 7-2020. Khi tay em giao phoi đề cho D, T qua tin nhắn, D và T đọc cho D ghi chép bằng viết bi xanh vào các tờ giấy tập học sinh, cộng thành tiền của từng tờ phoi giao cho D để cộng thành tổng. Từ ngày 10-7-2020 đến ngày 02-9-2020, D giúp T và D cộng phoi đề khoảng 08 ngày 10-7-2020, 01-9-2020, 02-9-2020.

Mỗi ngày D giúp D cộng phôi đề số tiền từ 50.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng. Ngày 03-9-2020, D gọi điện kêu D đến nhà D phụ cộng tiền phôi đề nhưng D bận việc không tới. Khi giúp D và T cộng tiền phôi đề, D không hưởng lợi, D và T không hứa hẹn cho tiền D; D không hùn hợp làm thầu đề với T và D.

5. Nguyễn Thị Thu H cùng D thầu đề giữa tháng 8-2020, H liên hệ với D để D chia phôi số đề cho H để kiếm lời. Từ ngày 16-8-2020 đến ngày 30-8-2020 (14 ngày), H nhận phôi đề từ D với số tiền mỗi ngày thấp nhất 1.100.000 đồng, cao nhất 4.600.000 đồng, tổng số tiền trên phôi đã nhận 39.600.000 đồng; H thắng từ 300.000 đồng đến 4.100.000 đồng/ngày, tổng số tiền thắng 27.060.000 đồng, thua 02 ngày với số tiền thua 6.400.000 đồng; tổng số tiền đánh bạc 73.060.000 đồng, có 05 ngày số tiền đánh bạc trên 5.000.000 đồng nhưng dưới 50 triệu đồng.

Từ ngày 31-8-2020, D giới thiệu cho H tên Á để giao nhận với H nhưng H sẽ chuyển phôi lên cho D, việc chung chi do H chịu trách nhiệm, Á qua D lấy tiền lời và trả tiền lỗ. Ngày 03-9-2020, H nhận của Á thấp nhất 2.700.000 đồng, cao nhất 4.300.000 đồng tiền số đề, tổng số tiền trên phôi đã nhận 10.230.000 đồng; H lỗ thấp nhất 3.990.000 đồng, cao nhất 8.200.000 đồng, không có ngày thắng tổng số tiền thua 20.270.000 đồng; tổng số tiền đánh bạc 30.500.000 đồng, có 03 ngày số tiền đánh bạc trên 5 triệu đồng nhưng dưới 50 triệu đồng

Ngày 03-9-2020, H nhận của D tiền số đề 2.700.000 đồng, chưa tính thắng thua thì D bị bắt

6. Lê Thị Á mua bán số đề với D từ năm 2019. Ban đầu, Á tự đánh các con số đề giao phôi cho D mỗi ngày từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng, không xác định được số tiền lời lỗ mỗi ngày. Từ ngày 14-8-2020, D giới thiệu Á cho H để Á giao nhận số đề với H nhưng H chuyển phôi đề cho D; chung chi do H chịu trách nhiệm nhưng Á thông qua D và S để lấy tiền lời và trả tiền lỗ. Hàng ngày, Á đánh số đề với số tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.500.000 đồng xong tập hợp giao cho H qua điện thoại di động của Á (có sim số 0327967139 và số 0933099712); từ ngày 31-8-2020 đến ngày 02-9-2020 Á giao cho H tiền số đề trên phôi 10.230.000 đồng, Á thắng 20.270.000 đồng, nên tổng số tiền đánh bạc 30.500.000 đồng, cả 03 ngày đều có tiền đánh bạc trên 5 triệu đồng (ngày thấp nhất 6.800.000 đồng, ngày cao nhất 12.500.000 đồng).

Ngày 03-9-2020, Á giao cho H số tiền đề 2.700.000 đồng, chưa tính thắng thua thì D bị bắt, nên Á đã xóa hết tin nhắn số đề, không xác định được số tiền thắng thua. Trong ngày, Á mua số đề của G số tiền 2.500.000 đồng, do D bị bắt, nên G và Á chưa tính toán thắng thua và Á chưa trả tiền cho G, kết quả mở thưởng không có số trúng.

Ngoài ra, Á giới thiệu Lâm Thị G, Nguyễn Thị T mua bán số đề với D. Từ tháng 3-2020, G chậm trễ trả tiền đề nên Á bảo lãnh (G trực tiếp nhắn tin số đề cho D nhưng Á có trách nhiệm nhận tiền thắng thua giữa D và G).

7. **Lâm Thị G** bán số đề xong, tập hợp giao cho D. Từ tháng 11-2019 đến khi D bị bắt, G đã giao phôi đề cho D 06 tháng số tiền trên phôi đề mỗi ngày từ 13.500.000 đồng đến 31.000.000 đồng. G hưởng lợi mỗi ngày từ 400.000 đồng đến 1.027.000 đồng. Tổng số tiền hưởng lợi của G 72.000.000 đồng đến 184.860.000 đồng.

Vào ngày 03-9-2020, G bán số đề tại nhà của mình, G ghi nhận trong giấy giữ không giao phôi cho người mua, G bán 18 lô tính tiền 13 lô hoặc 14 lô; sau khi bán số đề, G tập hợp phôi số đề giao cho D số tiền tính 12,6 lô (qua số điện thoại di động 0358001557, 0908496156 của G). Những người mua số đề, chỉ xác định được Lê Thị Á; những người còn lại không xác định được. Trong ngày, G giao phôi số đề đài Miền Nam và đài Miền Bắc cho D số tiền trên phôi đề 44.476.000 đồng, số tiền thực giao 31.410.070 đồng, gồm:

- + Đài Miền Nam với số tiền thể hiện trên phôi đề số 1A, 1B, 2, 3A, 3B là 33.374.000 đồng, số tiền thực nhận là 23.028.060 đồng, số tiền trúng là 9.380.000 đồng nên số tiền đánh bạc của G ở đài này là 32.408.060 đồng.

- + Đài Miền Bắc với số tiền thể hiện trên phôi đề trong máy điện thoại ViVo màu xanh của D nhận từ số điện thoại 0908496156 của G là 11.102.000 đồng, thực nhận là 8.383.360 đồng, do D bị bắt trước giờ xổ số nên không tính số tiền trúng. Vì vậy số tiền đánh bạc của G ở đài này là 8.383.360 đồng.

Do đó, tổng số tiền đánh bạc ngày 03/9/2020 của Gọn là 40.791.420 đồng, số tiền G hưởng lợi là 1.027.000 đồng.

8. **Nguyễn Kim C** bán số đề tập hợp phôi đề giao cho T. Ban đầu, C giao phôi số đề cho D được khoảng 01 tuần, D kêu C giao phôi số đề qua cho T. Mỗi ngày, C giao tiền phôi đề từ 3.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng và hưởng lợi mỗi ngày từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng. C giao phôi đề được khoảng hơn 01 tháng, số tiền số đề C giao từ 90.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng; tổng số tiền hưởng lợi của C từ 3.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng.

Ngày 03-9-2020, C bán số đề tại nhà của mình và ghi nhận trong giấy giữ lại, không giao phôi cho người mua, C bán 18 lô tính tiền 13 lô. Sau khi bán số đề, C tập hợp phôi số đề giao cho T với số tiền 12,6 lô (qua số điện thoại di động 0779060392 của).

C giao phôi số đề đài miền Nam với số tiền trên phôi số 3 thu tại nhà T khi bắt quả tang 13.213.000 đồng, số tiền thực giao 9.058.610 đồng, số tiền trúng 2.450.000 đồng; tổng số tiền đánh bạc ngày 03-9-2020 là 11.508.610 đồng, số tiền C hưởng lợi 528.520 đồng. Người mua số đề của C xác định được Võ Thị K mua số đề 1.330.000 đồng, đối chiếu kết quả xổ số không có số trúng, nên số tiền đánh bạc của K 1.330.000 đồng.

9. Nguyễn Thị T và Trần Thị Thùy M

Thanh hoạt động số đề từ tháng 11-2019, đến khi bị bắt không liên tục. Từ tháng 11-2020 đến đầu tháng 8-2020, T giao phôi số đề cho D được khoảng 03 tháng đài 2 miền Nam Bắc; số tiền mỗi ngày từ 20.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng, T hưởng lợi mỗi ngày từ 615.000 đồng đến 3.700.000 đồng. Sau đó, T giao phôi số đề đài miền Nam cho T mỗi ngày từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng; đài miền Bắc giao cho D, mỗi ngày từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng; T giao được 03 tuần bị Công an bắt. Mỗi ngày T thu lợi 307.500 đồng - 646.000 đồng; tổng số tiền T hưởng lợi 117.157.500 đồng - 679.566.000 đồng.

Trong tháng 6-2020, không xác định được ngày, Sáng giúp T giao cho D số tiền của đài Miền Nam trên phôi đề 95.947.000 đồng, sau khi trừ tiền còn lại T trả cho D 65.780.000 đồng, T trúng 15.900.000 đồng nên T trả cho D 49.880.000 đồng nên số tiền đánh bạc của T ở đài Miền Nam 81.680.000 đồng; Đài Hà Nội số tiền xác định 27.282.000 đồng, sau khi trừ tiền còn T trả cho D 19.915.000 đồng, T trúng số tiền 5.650.000 đồng, nên T trả cho D 14.265.000 đồng (D tính tròn 14.290.000 đồng); nên số tiền đánh bạc của T ở đài Hà Nội 25.565.000 đồng, thể hiện trong phôi đề được phục hồi trong điện thoại.

Ngày 03-9-2020, T bán số đề tại nhà của mình; T ghi nhận trong giấy, không giao phôi cho người mua; T bán 18 lô tính tiền 13 lô, sau khi bán số đề, T tập hợp phôi số đề giao cho T số tiền 12,6 lô qua số điện thoại di động 0916.278.784 của T. T giao phôi đề cho T thể hiện ở phôi đề ký hiệu 5 có số tiền 23.724.000 đồng, số tiền thực giao 15.890.280 đồng, số tiền trúng 13.550.000 đồng; tổng số tiền đánh bạc của T ngày 03-9-2020 là 29.440.280 đồng, số tiền hưởng lợi 906.000 đồng.

Xác định được Đỗ Thị H mua số đề của T ngày này với số tiền 1.703.000 đồng, trúng 1.400.000 đồng, nên số tiền đánh bạc của H 3.103.000 đồng; Trần Thị Thùy M mua số đề của T số tiền trên phôi 4.000.000 đồng, số tiền thực tế giao cho T 3.160.000 đồng, M trúng 7.000.000 đồng nên số tiền đánh bạc của M 10.160.000 đồng.

10. Ninh Ngọc S giúp sức cho T, nghe và nhận tiền bán số đề, tính toán số tiền lời trong ngày, từ giữa năm 2019 đến ngày D bị bắt. Bốn ngày, Sáng nhận tiền số đề 1 lần qua số điện thoại của S (0335291958), số tiền mua bán số đề thấp nhất 20.000.000 đồng, cao nhất 120.000.000 đồng, tiền lời thấp nhất 10.000.000 đồng, cao nhất 64.000.000 đồng. Tiền lời, lỗ T đưa cho S, S giao cho Nguyễn Thành S.

Kết quả điều tra xác định, D làm thầu đề từ năm 2015, nhưng không có cơ sở xác định số tiền thầu đề và số tiền lời lỗ hàng ngày bao nhiêu. Ngoài ra, D và T còn khai nhận có nhận phôi đề một số tay em khác nhưng không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể, Cơ quan điều tra không chứng minh được.

D còn khai nhận sau khi nhận phoi đề tay em, D lựa ra số đề có số tiền mua lớn giao cho Võ Văn K; D nhận phoi đề của Nguyễn Thị H; nhưng lời khai của D không có căn cứ khác chứng minh.

Tại cơ quan điều tra, 12 bị cáo khai nhận hành vi phạm tội.

* Đối với Trần Thị T và Trần Văn C; có hành vi giao số đề cho Trần Kim T; Đặng Văn L, Đặng Văn Q, Võ Thị K, Đỗ Thị H; có hành vi mua số đề nhưng số tiền đánh bạc dưới 5.000.000 đồng; T, C, L, Q, K, H chưa có tiền án, tiền sự; Công an huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đã xử phạt vi phạm hành chính.

* Đối với người tên T, P, T, V, N, H, D, Bà B, Chị B, H, T, V, H, M, Đ, N, T, Q, K, M, R, bà C, bà N, B, T, L, T, C, T, G, N, C, P, D, T, Đ, M, V, L, L có hành vi mua bán, giao nhận phoi đề theo lời khai của một số bị cáo; nhưng không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể sẽ xử lý sau.

* Đối với Lâm Bửu C, Trương Văn V có liên quan đến việc mua bán số đề, nhưng không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu, làm gì chưa đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Bản án số: 63/2021/HS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

1/ Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị D 02 (hai) năm tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*”. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 03/9/2020 đến ngày 26/4/2021;

2/ Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Kim T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*”. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 03/9/2020 đến ngày 26/4/2021;

3/ Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Hoàng L 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*”. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 03/9/2020 đến ngày 26/4/2021;

4/ Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành S số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng thu ngân sách Nhà nước về tội “*Tổ chức đánh bạc*”;

5/ Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H (T) số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng thu ngân sách Nhà nước về tội “*Tổ chức đánh bạc*”;

6/ Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thúy D số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng thu ngân sách Nhà nước về tội “*Tổ chức đánh bạc*”;

7/ Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 321; điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 01 (một) năm tù về tội “*Đánh bạc*”. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 07/9/2020 đến ngày 06/12/2020;

8/ Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Ninh Ngọc S số tiền 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng thu ngân sách Nhà nước về tội “*Đánh bạc*”;

9/ Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lâm Thị G 01 (một) năm tù về tội “*Đánh bạc*”. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 08/9/2020 đến ngày 06/12/2020;

10/ Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Á 09 (chín) tháng tù về tội “*Đánh bạc*”. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án;

11/ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Kim C (chị B) số tiền 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng thu ngân sách Nhà nước về tội “*Đánh bạc*”;

12/ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Thùy M (L) số tiền 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng thu ngân sách Nhà nước về tội “*Đánh bạc*”;

Bản án còn quyết định hình phạt bổ sung, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Cùng ngày 19-7-2021, các bị cáo Trần Kim T, Trương Hoàng L, Lê Thị Á và Trần Thị D có đơn kháng cáo, cùng nội dung kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Cùng ngày 22-7-2021, các bị cáo Lâm Thị G, Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo, cùng nội dung kháng cáo xin được hưởng phạt cải tạo không giam giữ.

Ngày 03-8-2021, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh có Quyết định số: 04/QĐ-VKS; Quyết định kháng nghị phúc thẩm; đề nghị Tòa án phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm hình sự số: 63/2021/HS-ST ngày 09-7-2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên tỉnh Tây Ninh; giao hồ sơ về cấp sơ thẩm điều tra, truy tố, nhằm không bỏ lọt đối với hành vi mua bán số đề của vợ chồng Trần Thị T và Trần Văn C; đồng thời xác định số tiền đánh bạc đúng theo Nghị quyết số: 01/2020/NQ-HĐTP ngày 22-10-2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Công văn số: 01/GĐ-TANDTC ngày 07-4-2017 của Tòa án nhân dân tối cao.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 355, 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự; hủy bản án sơ thẩm.

Các bị cáo không tranh luận.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đều xin được chấp nhận đơn kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tổ tụng: Những hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm; các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Bị cáo D và vợ chồng bị cáo T, L đã tổ chức đường dây thầu lô đề thời gian dài trên địa bàn huyện TB. Đến 17 giờ 00 phút, ngày 03-9-2020, khi D và T và L đang tổ chức thầu lô đề tại nhà của bị cáo D; thuộc ấp SÔĐ, xã TV; bị Công an bắt quả tang. Tại nhà của D thu số tiền 6.553.000 đồng, điện thoại di động các loại, tờ phoi đề và 1 két sắt bên trong có số tiền 420.000.000 đồng, nhiều tài sản khác. Thu giữ tại nhà bị cáo T số tiền 31.000.000 đồng; điện thoại di động các loại; tờ phoi đề. Cụ thể: Bị cáo D tự làm thầu đề từ năm 2015, đến tháng 6-2019 bị cáo D thuê 2 bị cáo T và L để giúp tập hợp, cộng phoi đề và tính tiền thắng thua. Bị cáo D phân công cho chồng là bị cáo S giao nhận tiền thắng thua từ tay em. Hàng ngày, bị cáo D nhận phoi đề 2 đài Nam và Bắc của các bị cáo Á, C, G, T và người tên T và dò xổ số. Đến tháng 7-2020, bị cáo D thuê bị cáo D giúp cộng phoi đề, tính tiền thắng thua của tay em giao. Tháng 8-2020, T và L tách làm riêng, được bị cáo D chia cho mỗi giao phoi đề của 2 bị cáo C, T và người tên T. Bị cáo D chia mỗi giao phoi đề cho bị cáo H từ bị cáo Á nhưng phải thông qua bị cáo D. Hàng ngày, T và L nhận phoi đề, chọn phoi có số tiền lớn giao cho D. Mỗi ngày bị cáo D nhận phoi đề số tiền từ

50.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng, lời 09 tháng, lỗ 05 tháng, nên số tiền thu lợi bất chính của bị cáo D từ 1 tỷ đồng đến 1,4 tỷ đồng. Ngày 01-9-2020, bị cáo D thu lời không xác định được số tiền và trả cho bị cáo T số tiền 9.510.000 đồng, chung cho bị cáo T số tiền 23.380.000 đồng.

Ngày bắt quả tang 03-9-2020, các bị cáo đánh bạc như sau:

Bị cáo Trần Thị D

+ Nhận phôi đề với số tiền trên phôi 74.398.000 đồng, nhưng thực nhận số tiền 51.334.620 đồng, trúng số tiền 76.030.000 đồng; nên tổng số tiền đánh bạc 150.428.0000 đồng, nhưng Tòa án sơ thẩm xác định số tiền 127.364.620 đồng không đúng.

+ Nhận phôi đề của bị cáo T số tiền 34.191.000 đồng, nhưng thực nhận số tiền 23.368.140 đồng, trúng số tiền 20.100.000 đồng, nên số tiền đánh bạc của bị cáo D 54.291.000 đồng, nhưng Tòa án sơ thẩm xác định số tiền 43.468.140 đồng không đúng.

+ Nhận phôi đề của người tên C (không xác định họ tên, địa chỉ cụ thể) số tiền 63.833.000 đồng, nhưng thực nhận số tiền 43.512.670 đồng, không có trúng đề, nên số tiền đánh bạc 63.833.000 đồng, nhưng Tòa án sơ thẩm xác định số tiền 43.512.670 đồng không đúng.

+ Nhận phôi đề của bị cáo Lâm Thị G số tiền 11.102.000 đồng, nhưng thực nhận số tiền 8.383.360 đồng, không có số tiền trúng, nên số tiền đánh bạc 11.102.000 đồng, nhưng Tòa án sơ thẩm xác định số tiền 8.383.360 đồng không đúng.

Như vậy số tiền bị cáo D đánh bạc thể hiện trên phôi 183.524.000 đồng, cộng số tiền trúng 96.130.000 đồng = 279.654.000 đồng gồm 2 đài; nhưng sơ thẩm xác định số tiền nhận thực tế + số tiền trúng = 222.728.790 đồng không đúng.

Bị cáo Trần Kim T và bị cáo Trương Hoàng L: Nhận phôi đề của vợ chồng Trần Thị T và Trần Văn C, của tên G, tên C, tên V, tên C; của các bị cáo T, C, L với tổng số tiền trên phôi + số tiền trúng đề = 119.801.000 đồng, nhưng sơ thẩm xác định số tiền 2 bị cáo T và L dùng đánh bạc gồm số tiền thực tế nhận + số tiền trúng đề tổng cộng 93.940.500 đồng là không đúng.

Đối với bị cáo Lâm Thị G: Bị cáo giao phôi đề 2 đài cho bị cáo D số tiền trên phôi 53.856.000 đồng, nhưng sơ thẩm xác định số tiền dùng đánh bạc gồm số tiền bị cáo G nhận và giao cho bị cáo D 40.791.420 đồng là không đúng.

Đối với bị cáo Nguyễn Kim C: Bị cáo bán số đề trên phôi số tiền 13.213.000 đồng, số tiền trúng đề 2.450.000 đồng, tổng số tiền đánh bạc 15.663.000 đồng; nhưng sơ thẩm xác định số tiền dùng đánh bạc gồm số tiền bị cáo C thực nhận + số tiền trúng = 11.508.610 đồng là không đúng.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị T: Bị cáo bán số đề 18 lô với số tiền trên phôi 23.724.000 đồng + số tiền trúng đề 13.550.000 đồng = 37.274.000 đồng, nhưng sơ thẩm xác định bị cáo đánh bạc gồm số tiền thực nhận + số tiền trúng đề = 29.440.280 đồng là không đúng.

Đối với bị cáo Trần Thị Thùy M: Mua số đề của bị cáo T trên phôi số tiền 4.000.000 đồng, trúng số đề 7.000.000 đồng = 11.000.000 đồng, nhưng sơ thẩm xác định số tiền đánh bạc gồm số tiền bị cáo giao cho bị cáo T + số tiền trúng = 10.160.000 đồng là không đúng.

Đồng thời quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định, vợ chồng Trần Thị T và Trần Văn C giao phôi đề cho các bị cáo Trần Kim T và Trương Hoàng L số tiền trên phôi 5.059.000 đồng, số tiền trúng đề 700.000 đồng, tổng số tiền đánh bạc của vợ chồng T và C là 5.759.000 đồng, nhưng sơ thẩm xác định vợ chồng T và C đánh bạc số tiền thực giao 3.541.300 đồng là không đúng. Như vậy, cấp sơ thẩm đã bỏ lọt hành vi phạm tội của T và C.

Đối với số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo; cấp sơ thẩm không xác định được nhưng quyết định truy thu để tịch thu sung quỹ nhà nước là không đúng.

[5] Từ những phân tích trên, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh và chuyển hồ sơ vụ án về cấp sơ thẩm điều tra lại. Do bản án sơ thẩm bị hủy không xem xét đơn kháng cáo của các bị cáo.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Theo Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016; các bị cáo không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự

1. Hủy Bản án Hình sự sơ thẩm số: 63/2021/HS-ST ngày 09-7-2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh và chuyển hồ sơ vụ án để điều tra lại.

2. Án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 (TANDTC);
- TANDCC tại TPHCM;
- VKSNDCC tại TPHCM;
- VKSND. TTN;
- TAND. huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS. huyện Tân Biên;
- Công an huyện Tân Biên;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Phòng PV 06 CATTN;
- Phòng lý lịch STP. TTN;
- Phòng KTNV. TATTN;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án HSPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Minh Châu